

Kh. a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 36CLC-CD **Nl̃m h̃ c :** 2013-2014 **q̃ VHT :** 3
(45,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T : **H̃ c ph̃ ñ :** 131017200604 - Tr̃ d̃ L̃ a **H̃ c k8 :** HK01

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
1	3671040641	36CLC-CĐ	q o Gia	B o	26/07/1994				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
2	3671040560	36CLC-CĐ	Trng Thanh	Bình	18/06/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	9.0	6.3	8.6	
3	3671041110	36CLC-CĐ	Nguyễn H u	C hnh	07/10/1994				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
4	3671040058	36CLC-CĐ	q o Nguyễn	Cát	28/08/1994				7.0	8.0	7.0	7.3	2.2	8.8	6.2	8.4	
5	3671041188	36CLC-CĐ	Nguyễn Vln	Cng	22/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671041895	36CLC-CĐ	Trfn Kh i	Cng	21/05/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
7	3671040372	36CLC-CĐ	Nguyễn T hng	Chinh	27/12/1994				7.0	6.0	7.0	6.7	2.0	6.5	4.6	6.6	
8	3671040068	36CLC-CĐ	Trfn Vln	Du X	06/02/1994				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
9	3671040702	36CLC-CĐ	Nguyễn Ti h	D hng	16/08/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	8.5	6.0	8.0	
10	3671041133	36CLC-CĐ	Trfn Anh	D hng	03/10/1994				6.0	5.0	7.0	6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
11	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh	H i	12/01/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	6.5	4.6	6.6	
12	3671040857	36CLC-CĐ	V i Shn	H i	14/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
13	3571010143	36CLC-CĐ	Nguyễn Thanh	Hoàng	05/03/1993				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	8.8	6.2	8.3	
14	3671040736	36CLC-CĐ	T Vln	Hóa	01/10/1993				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
15	3671041641	36CLC-CĐ	Phm Shn	Hùng	02/04/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	9.0	6.3	8.3	
16	3671040043	36CLC-CĐ	Nguyễn Anh	Ki t	14/10/1994				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
17	3671040997	36CLC-CĐ	Bùi Duy	Khánh	23/07/1994				3.0	4.0	3.0	3.3	1.0	3.3	2.3	3.3	
18	3671041997	36CLC-CĐ	Phm M c Quang	Khuê	13/08/1994				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
19	3671041948	36CLC-CĐ	Nguyễn n c	Linh	18/03/1994				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	

Kh. a h c : **L. p h c :** 36CLC-CD **Năm h c :** 2013-2014 **q VHT :** 3
H n T : **H c phFn :** 131017200604 - Trđc L'a **H c k8 :** HK01
 (45,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L P SV	H Vê Tạ N	NGÀY SINH	ệ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	ệ IqM THI	QUY TS : 70%	ệ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040193	36CLC-CD	Ph i	19/03/1994				0.0	3.0	3.0	2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HP
21	3671040535	36CLC-CD	Nguy n Nh Minh	09/04/1994				6.0	7.0	8.0	7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
22	3671041956	36CLC-CD	Nguy n H u	08/11/1994				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
23	3671040078	36CLC-CD	Tr h nh	29/12/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
24	3671040690	36CLC-CD	Tr h Hi u	29/04/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	8.5	6.0	8.3	
25	3671041850	36CLC-CD	B L Tu Phong	07/01/1994				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	7.8	5.5	7.6	
26	3671041572	36CLC-CD	Nguy n Ho ng	20/02/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3671040386	36CLC-CD	Nguy n Minh	14/07/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	8.8	6.2	8.5	
28	3671040350	36CLC-CD	Ph V Sang	25/04/1994				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
29	3671040284	36CLC-CD	Nguy n Ti S:	09/01/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
30	3671040197	36CLC-CD	Nguy n T Tinh	19/03/1994				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
31	3671040457	36CLC-CD	H C ng	13/10/1994				6.0	5.0	6.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	N HP
32	3671041906	36CLC-CD	Nguy n C ng	02/12/1993				7.0	8.0	6.0	7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
33	3671041602	36CLC-CD	Tr h Ng c	23/08/1994				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
34	3671041945	36CLC-CD	L Ti Th ng	20/06/1992				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	N HP
35	3671041131	36CLC-CD	Nguy n Minh	00/01/1900				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
36	3671040959	36CLC-CD	Lê Công	14/05/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	6.5	4.6	6.6	

T'ng s' : 36 h`c sinh sinh vi°n

Tp.HCM, ngày / /

TrE ng Khoa

GiSo Vi°n B, M¹ n

GiSo V... Khoa